

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /2013/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 20 tháng 5 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: 4039
Ngày: 27/5

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức chi, quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Thực hiện Công văn số 913/HĐND-CTHĐ ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc chỉ công tác góp ý, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND các cấp;

Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi, việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh Truyền hình;
- TTCB-TTĐT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTN, ĐTQH, NCPC, QTTV, TH, Nghiễm Vi



Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

Mức chi, việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Ban hành theo Quyết định số: 23 /2013/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 5 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, bao gồm các văn bản sau:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.
- Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại Quy định này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện văn bản được giao cho cơ quan, đơn vị mình chủ trì thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; cơ quan tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cá nhân trực tiếp tham gia hội thảo, phục vụ cho các hoạt động lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và các cá nhân được lấy ý kiến theo phiếu điều tra.

2. Kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân chỉ sử dụng cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1

Điều 1 Quy định này, không áp dụng cho công tác xây dựng các văn bản hành chính thông thường khác.

3. Các trường hợp quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân và đã được chỉ cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì không được phép chỉ.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI VÀ KHUNG MỨC CHI

Điều 3. Nội dung các khoản chi

1. Chi cho việc tập hợp, rà soát văn bản.
2. Chi dịch, hiệu đính tài liệu, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại (nếu có).
3. Chi cho việc tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật về các vấn đề liên quan đến quá trình xây dựng và hoàn thiện văn bản.
4. Chi tổ chức điều tra thống kê, khảo sát và đánh giá các vấn đề liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản; lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản; soạn thảo văn bản và thi hành pháp luật.
5. Chi tổ chức họp, tọa đàm, hội thảo, hội nghị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động xây dựng, hoàn thiện văn bản và thi hành pháp luật.
6. Chi soạn thảo các loại đề cương, bản thuyết minh, tờ trình; đề nghị xây dựng văn bản; dự kiến chương trình xây dựng văn bản; dự thảo văn bản và báo cáo theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.
7. Chi trả thù lao cho những người tham gia nghiên cứu, thực hiện tư vấn trong quá trình xây dựng và hoàn thiện văn bản.
8. Chi góp ý đề nghị xây dựng văn bản, dự kiến chương trình xây dựng văn bản, dự thảo văn bản.
9. Chi thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản.
10. Chi tổ chức giới thiệu nội dung dự thảo văn bản, lấy ý kiến của nhân dân, cơ quan, tổ chức và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.
11. Chi chỉnh lý, hoàn thiện các loại đề cương, bản thuyết minh, tờ trình; các loại báo cáo; dự thảo đề nghị xây dựng văn bản; dự thảo dự kiến chương trình xây dựng văn bản và dự thảo văn bản.
12. Chi cho công tác góp ý, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân; lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cán bộ

Văn phòng UBND cấp xã trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

13. Chi cho các hoạt động công bố, niêm yết, phổ biến văn bản đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành.

14. Chi cho việc tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

15. Các chi phí cần thiết khác phục vụ trực tiếp các hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tùy vào tình hình thực tế quyết định các nội dung chi cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản theo các nội dung chi quy định tại Điều này.

Điều 4. Khung mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Khung mức chi do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định:

a) Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

+ Đối với nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 900.000 đồng/đề cương.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 600.000 đồng/đề cương.

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 800.000 đồng/đề cương.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 500.000 đồng/đề cương.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân: Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 850.000 đồng/đề cương. Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 550.000 đồng/đề cương.

- Chi thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 500.000 đồng/đề cương.

b) Chi soạn thảo văn bản:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

+ Đối với nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 3.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 3.200.000 đồng/dự thảo văn bản.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 3.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân: Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 3.200.000 đồng/dự thảo văn bản. Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 2.700.000 đồng/dự thảo văn bản.

- Chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:

- Báo cáo hoặc bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản; mức chi tối đa 200.000 đồng/báo cáo hoặc bản tổng hợp.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra: mức chi tối đa 300.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo của thành viên tham gia thẩm định, thẩm tra; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo:

Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 300.000 đồng/báo cáo.

Đối với dự thảo chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 200.000 đồng/báo cáo.

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 150.000 đồng/báo cáo.

d) Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị:

- Chủ trì: mức chi 150.000 đồng/người/buổi họp;
- Các thành viên tham dự: mức chi 100.000 đồng/người/buổi họp;
- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: mức chi tối đa 200.000 đồng/văn bản.

đ) Chi cho văn bản góp ý:

Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 200.000 đồng/văn bản;

Đối với dự thảo chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 150.000 đồng/văn bản.

Tùy theo chất lượng của văn bản góp ý Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định.

e) Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có):

- Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi tối đa 120.000 đồng/trang (350 từ);
- Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: mức chi tối đa 150.000 đồng/trang (350 từ);
- Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: mức chi tối đa 100.000 đồng/trang (350 từ);
- Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi tối đa 40.000 đồng/trang (350 từ).
- Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

g) Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản: Mức chi tối đa 150.000 đồng/lần chỉnh lý.

h) Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại điểm a đến điểm g Khoản 1 này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, bao gồm:

- Các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các khoản chi cho tổ chức điều tra thống kê, khảo sát, đánh giá thực tiễn thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

- Các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu.

- Các khoản chi cho công tác nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản; xây dựng các loại thuyết minh, tờ trình; lập đề nghị xây dựng văn bản; lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản; báo cáo đánh giá, tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Các khoản chi cho hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Các khoản chi cho hoạt động phổ biến văn bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

i) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định mức chi cho từng nội dung chi trong các hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản, nhưng không được vượt mức chi quy định tại Điểm a đến Điểm g và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều này.

2. Chi cho cơ quan tư pháp:

a) Chi cho báo cáo thẩm định:

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: 500.000 đồng/báo cáo thẩm định;

- Đối với dự thảo chỉ thị của Ủy ban nhân dân: 400.000 đồng/báo cáo thẩm định.

b) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập gửi Bộ Tư pháp: mức chi tối đa 3.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; chi cho công tác góp ý, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các

Ủy viên Ủy ban nhân dân; lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Mức chi:

- Mức chi cho báo cáo thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh: tối đa 500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: tối đa 700.000 đồng/ngợi quyết.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân, lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: tối đa 700.000 đồng/ngợi quyết hoặc quyết định, chỉ thị không trùng nội dung với nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

b) Mức chi cụ thể áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng do Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh quyết định chi đúng đối tượng và không vượt quá mức tối đa theo quy định.

Điều 5. Khung mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Khung mức chi do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định:

a) Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 720.000 đồng/đề cương.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 480.000 đồng/đề cương.

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 620.000 đồng/đề cương.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 400.000 đồng/đề cương.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân: Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 680.000 đồng/đề cương. Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 440.000 đồng/đề cương.

- Chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 400.000 đồng/đề cương.

b) Chi soạn thảo văn bản:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 3.200.000 đồng/dự thảo văn bản.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 2.700.000 đồng/dự thảo văn bản.

+ Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 2.400.000 đồng/dự thảo văn bản.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân: Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 2.600.000 đồng/dự thảo văn bản. Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 2.200.000 đồng/dự thảo văn bản.

- Chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 1.600.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:

- Báo cáo hoặc bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản: mức chi tối đa 160.000 đồng/báo cáo hoặc bản tổng hợp.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra: mức chi tối đa 240.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo:

Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 240.000 đồng/báo cáo;

Đối với dự thảo chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 160.000 đồng/báo cáo;

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 120.000 đồng/báo cáo.

d) Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị:

- Chủ trì: mức chi 120.000 đồng/người/buổi họp.

- Các thành viên tham dự: mức chi 80.000 đồng/người/buổi họp.

- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: mức chi tối đa 160.000 đồng/văn bản.

đ) Chi cho văn bản góp ý:

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 160.000 đồng/văn bản;

- Đối với dự thảo chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 120.000 đồng/văn bản.

Tùy theo chất lượng của văn bản góp ý Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định.

e) Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có): như mức chi của cấp tỉnh

g) Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản: Mức chi tối đa 120.000 đồng/lần chỉnh lý.

h) Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại điểm a đến điểm g Khoản 1 này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 Quy định này.

i) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quyết định mức chi cho từng nội dung chi trong các hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản, nhưng không được vượt mức chi quy định tại Điểm a đến Điểm g và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành quy định tại điểm h Khoản 1 Điều này.

2. Chi cho cơ quan tư pháp:

Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Phòng Tư pháp chủ trì tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Tư pháp: mức chi tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo.

3. Chi báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện; chi cho công tác góp ý, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân; lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Mức chi:

- Mức chi cho báo cáo thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân của các Ban Hội đồng nhân dân huyện: tối đa 400.000 đồng/báo cáo thẩm định hoặc báo cáo thẩm tra.

- Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân, lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: tối đa 700.000 đồng/ngợi quyết hoặc quyết định, chi thị không trùng nội dung với nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện ban hành.

b) Mức chi cụ thể áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng do Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chi đúng đối tượng và không vượt quá mức tối đa theo quy định.

Điều 6. Quy định về mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp xã.

+ Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 540.000 đồng/đề cương.

+ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 360.000 đồng/đề cương.

- Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

+ Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 400.000 đồng/đề cương.

+ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 300.000 đồng/đề cương.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân:

Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 510.000 đồng/đề cương

Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 330.000 đồng/đề cương.

c) Chi thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 300.000 đồng/đề cương.

2. Chi soạn thảo văn bản:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành và lĩnh vực, quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp xã

+ Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 2.400.000 đồng/dự thảo văn bản.

+ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 1.900.000 đồng/dự thảo văn bản.

- Đối với các nghị quyết Hội đồng nhân dân có nội dung khác.

+ Nghị quyết mới hoặc thay thế: mức chi không quá 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức chi không quá 1.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân:

Quyết định mới hoặc thay thế: mức chi tối đa 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

Quyết định sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 1.700.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 1.200.000 đồng/dự thảo văn bản.

3. Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản:

a) Báo cáo/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về dự thảo văn bản; mức chi tối đa 120.000 đồng/báo cáo/bản tổng hợp.

b) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; ý kiến thẩm định, thẩm tra: mức chi tối đa 180.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo nhận xét, đánh giá, phản biện của chuyên gia độc lập; báo cáo tham luận độc lập theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo:

Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 180.000 đồng/báo cáo;

Đối với dự thảo chỉ thị mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 120.000 đồng/báo cáo;

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi tối đa 90.000 đồng/báo cáo.

4. Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị:

Chủ trì: mức chi 90.000 đồng/người/buổi họp;

Các thành viên tham dự: mức chi 60.000 đồng/người/buổi họp;

Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: mức chi tối đa 120.000 đồng/văn bản.

5. Chi cho văn bản góp ý:

Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 120.000 đồng/văn bản;

Đối với dự thảo chỉ thị của Ủy ban nhân dân: mức chi tối đa 90.000 đồng/văn bản.

6. Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu (nếu có): như mức chi của cấp tỉnh.

7. Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản:

Mức chi tối đa 90.000 đồng/lần chỉnh lý.

8. Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã lập gửi Phòng Tư pháp: mức chi tối đa 800.000 đồng/báo cáo.

9. Chi cho công tác góp ý, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân; cán bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Mức chi:

Thường trực Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ủy ban nhân dân, cán bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân: tối đa 700.000 đồng/nghị quyết hoặc quyết định, chỉ thị không trùng nội dung với nghị quyết đã được Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành.

b) Mức chi cụ thể áp dụng cho các đối tượng thụ hưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chi đúng đối tượng và không vượt quá mức tối đa theo quy định.

10. Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định tại khoản 1 đến khoản 9 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 Quy định này.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán kinh phí được giao và tính chất công việc đối với mỗi văn bản, quyết định mức chi cụ thể cho từng văn bản cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức chi theo quy định này.

Điều 7. Tổng mức phân bổ kinh phí tối đa để thực hiện các nội dung chi cho công tác soạn thảo, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

đối với từng loại văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

Các mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này là mức chi tối đa, căn cứ dự toán kinh phí được giao và tính chất công việc đối với mỗi văn bản, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo quyết định phân bổ mức kinh phí cho từng văn bản cho phù hợp, nhưng tổng mức phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung chi và mức chi không được vượt quá mức khống chế tối đa quy định dưới đây:

1. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Cấp tỉnh: 9.000.000 đồng/văn bản.
- Cấp huyện: 7.000.000 đồng/văn bản.
- Cấp xã: 5.500.000 đồng/văn bản.

2. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được sửa đổi, bổ sung: mức phân bổ tối đa không quá 80% mức phân bổ tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với chỉ thị của Ủy ban nhân dân:

- Cấp tỉnh: 3.500.000 đồng/văn bản.
- Cấp huyện: 2.500.000 đồng/văn bản.
- Cấp xã: 2.000.000 đồng/văn bản.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 8. Lập dự toán, cấp phát kinh phí và thanh quyết toán kinh phí

1. Trên cơ sở dự kiến chương trình, kế hoạch xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; cơ quan tài chính lập dự toán kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm (dự toán chi quản lý hành chính) trình Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân thông qua.

Riêng đối với cấp xã, UBND xã, phường, thị trấn lập dự toán kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm (dự toán chi quản lý hành chính) trình HĐND xã, phường, thị trấn thông qua.

2. Định kỳ 6 tháng, căn cứ kết quả tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị, cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan tư

pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị.

Đối với các văn bản quy phạm pháp luật có sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị, vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, xây dựng văn bản căn cứ vào các mức chi được quy định, có trách nhiệm tổng hợp kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản của các đơn vị liên quan vào trong tổng chi phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho các đơn vị, nhưng không được vượt quá tổng mức chi quy định tại Điều 7 Quyết định này.

Trường hợp văn bản có trong chương trình, kế hoạch xây dựng và hoàn thiện văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhưng tạm dừng thực hiện, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện tổng hợp kinh phí đã chi cho các nội dung công việc, hoạt động đã được thực hiện báo cáo cơ quan tài chính để phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho các đơn vị.

Riêng kinh phí thực hiện báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật, sau khi hoàn tất nhiệm vụ tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan tư pháp báo cáo cơ quan tài chính để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho đơn vị.

3. Căn cứ dự toán kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật được phân bổ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp, quy định của UBND tỉnh và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Chương IV

TÓ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10.

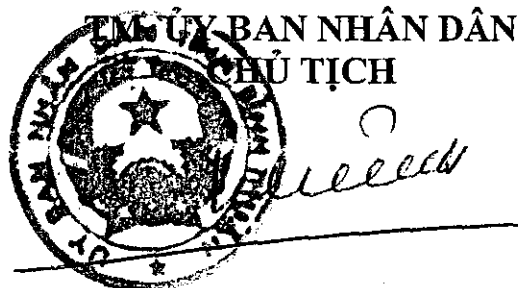
1. Thời gian thực hiện: Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Các nội dung về kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP và các văn bản hiện hành có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, căn cứ Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể việc lập dự toán,

sử dụng, quyết toán kinh phí để áp dụng thống nhất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp, Sở Tài chính để hướng dẫn thực hiện hoặc nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Lê Tiên Phương